

TỔNG HỢP MẪU HỢP ĐỒNG ĐẦU THẦU

BIỂU MẪU

TỔNG HỢP MẪU HỢP ĐỒNG ĐẦU THẦU

TỔNG HỢP MẪU HỢP ĐỒNG ĐẤU THẦU

1. HỢP ĐỒNG TƯ VẤN LẬP HỒ SƠ MỜI THẦU
2. HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ
3. MẪU BẢO LÃNH ĐẤU THẦU
4. MẪU HỢP ĐỒNG ĐẤU THẦU
5. HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỀ GIAO NHẬN THẦU XÂY DỰNG
TỔNG THẺ CÔNG TRÌNH
6. HỢP ĐỒNG KINH TẾ GIAO NHẬN THẦU XÂY LẮP CÔNG
TRÌNH
7. MẪU HỢP ĐỒNG ĐẤU THẦU – THỎA THUẬN LIÊN DANH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày tháng năm 20.....

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN LẬP HỒ SƠ MỜI THẦU

Số: /YTTT-...../2013

Gói thầu: “.....”

Các căn cứ để ký kết hợp đồng:

- Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Quyết định số ngày tháng năm 2013 của Giám đốc Trung tâm y tế huyện Thanh Trì về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu
- Quyết định số /QĐ-TTYT ngày tháng năm 2013 của Trung tâm Y tế huyện Thanh Trì về việc chỉ định đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời thầu .

Hôm nay, ngày / /20..... tại, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên giao thầu (gọi tắt là bên A):

- Tên đơn vị: Công ty
- Địa chỉ trụ sở chính: sốphố, quận, T.P.
- Đại diện là:- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: (84); Fax: (84)
- Số tài khoản: – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính.

2. Bên nhận thầu (gọi tắt là bên B):

- Tên đơn vị: Công ty
- Địa chỉ trụ sở chính: sốphố, quận, T.P.

- Đại diện là:- Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: (84); Fax: (84)

- Số tài khoản: – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính.

- Mã số thuế:

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng tư vấn lập hồ sơ mời thầu gói thầu “Mua sắm” với những điều kiện, điều khoản sau đây:

Điều 1: Nội dung công việc phải thực hiện

Bên A giao cho Bên B thực hiện công tác tư vấn lập hồ sơ mời thầu bằng tiếng Việt hồ sơ dự thầu gói thầu “Mua sắm” thuộc dự án “

Hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các nội dung liên quan khác đến công việc do Bên B thực hiện phải đảm bảo phù hợp với dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán của dự án đã được phê duyệt, tuân thủ chặt chẽ các quy định của Luật đấu thầu và các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

Điều 2: Chất lượng sản phẩm tư vấn và các yêu cầu khác

Chất lượng công việc do Bên B thực hiện phải đáp ứng được yêu cầu của Bên A, phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước, cụ thể:

Hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu phải đảm bảo phù hợp với Dự án đầu tư, và Tổng dự toán đã được phê duyệt và tuân thủ các quy định có liên quan của Luật đấu thầu, các quy định quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

Điều 3: Thời gian, tiến độ thực hiện

3.1. Thời gian thực hiện:

- Lập hồ sơ mời thầu: Không chậm hơn 05 ngày kể từ khi nhận đầy đủ các hồ sơ tài liệu do Bên A cung cấp, Bên B sẽ hoàn thành dự thảo Hồ sơ mời thầu. Không chậm hơn 05 ngày kể từ khi nhận được ý kiến chính thức của Bên A về bản dự thảo Hồ sơ mời thầu, Bên B sẽ hoàn thành bản Hồ sơ mời thầu cuối cùng (Thời gian trên chưa bao gồm thời gian bổ sung, chỉnh sửa theo yêu cầu công việc, nếu có).

3.2. Hồ sơ tài liệu giao cho Bên A:

Hồ sơ mời thầu: 03 bộ và 03 đĩa chứa các file, bảng biểu liên quan.

Điều 4: Giá của hợp đồng

- Giá của hợp đồng đã có thuế VAT là:000.000 đồng

- (Số tiền bằng chữ: Mười triệu đồng)

Điều 5: Thanh toán hợp đồng

Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản. Bên A sẽ thanh toán

cho Bên B thành hai đợt như sau:

- Bên A thanh toán cho Bên B 6.500.000 VNĐ(sáu triệu năm trăm nghìn đồng) trong vòng 1 ngày sau khi ký kết Hợp đồng.
- Bên A thanh toán cho Bên B 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)sau khi phê duyệt kết quả HSMT.

Trong trường hợp kết quả đấu thầu bị hủy bỏ không do lỗi của Bên B, Bên A sẽ phải trả các chi phí cho phần công việc mà Bên B đã thực hiện.

Điều 6: Trách nhiệm của các bên

6.1 Trách nhiệm của Bên A:

1. Bên A nhận cung cấp cho bên B các tài liệu:

- Cung cấp tài liệu, số liệu và các văn bản pháp lý cần thiết cho Bên B làm căn cứ.
- Dự án đầu tư, Thiết kế kỹ thuật – tổng dự toán của dự án được phê duyệt
- Các chỉ tiêu kỹ thuật và các yêu cầu riêng khác (nếu có).
- Cung cấp cho Bên B các hồ sơ dự thầu của các nhà thầu. Bên A chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu và thông tin được Bên A chuẩn bị, phê chuẩn và cung cấp cho Bên B theo hợp đồng này.

2. Khi nhận được bất kỳ yêu cầu nào của Bên B về việc làm rõ hồ sơ dự thầu của các nhà thầu, Bên A chịu trách nhiệm xem xét và yêu cầu nhà thầu liên quan làm rõ các vấn đề được Bên B yêu cầu trong thời hạn phù hợp với tiến độ phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu và cung cấp văn bản trả lời cho Bên B.

3. Thanh toán kinh phí trên cơ sở hợp đồng tư vấn giữa Bên A và Bên B theo quy định hiện hành.

6.2 Trách nhiệm của Bên B:

- Cử các chuyên gia đủ các tiêu chuẩn về năng lực, kinh nghiệm cần thiết chịu trách nhiệm thực hiện các công việc như được nêu ở Điều 1 và các điều khoản khác được quy định tại hợp đồng này.
- Đảm bảo thực hiện đúng tiến độ theo hợp đồng.
- Tham gia, phối hợp giải trình, bổ sung, làm rõ các nội dung thuộc phần việc Bên B đã thực hiện trong trường hợp các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu khi xem xét, thẩm định, đánh giá, phê duyệt hồ sơ mời thầu và báo cáo kết quả đấu thầu.
- Chịu trách nhiệm trước Bên A và trước pháp luật về tính chính xác, công bằng và khách quan trong việc lập hồ sơ mời thầu và báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu.

Điều 7: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

-Trong trường hợp xảy ra tranh chấp thuộc về hợp đồng này, các bên phải có trách nhiệm giải quyết trên cơ sở thương lượng, hai bên cùng có lợi.

-Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án Kinh tế Hà Nội phân xử. Phán quyết của Tòa án Kinh tế có hiệu lực buộc các bên phải thi hành.

Điều 8: Bất khả kháng

8.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hoả hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, ... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam...

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- + Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra
- + Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

8.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình

Điều 9: Vi phạm hợp đồng

9.1. Các trường hợp miễn trừ trách nhiệm đối với hành vi vi phạm: Bên vi phạm hợp đồng được miễn trừ trách nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Xảy ra sự kiện bất khả kháng như quy định tại Điều 8 của hợp đồng;
- b) Hành vi vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia;
- c) Hành vi vi phạm của một bên do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng.

9.2. Phạt vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng: Trong trường hợp Bên B vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng quy định tại Điều 3 (trừ trường hợp quy định tại Khoản 9.1), Bên B sẽ phải chịu phạt chậm tiến độ tương đương 2% trị giá hợp đồng cho mỗi tuần chậm nhưng tổng mức phạt vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng không quá 8% trị giá hợp đồng.

9.3. Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán phí tư vấn theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng, Bên B có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Điều 10: Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng

10.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng bao gồm:

- Do lỗi của Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu gây ra;
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các trường hợp khác do hai bên thoả thuận

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết; trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại. Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

10.2. Huỷ bỏ hợp đồng:

- Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại;
- Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ hợp đồng; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường;
- Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị huỷ bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền mà các bên đã nhận của nhau;

Điều 11: Điều khoản chung

- 11.1. Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước về bảo mật.
- 11.2. Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.
- 11.3. Hợp đồng làm thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 2 bản, Bên B giữ 1 bản;
- 11.4. Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ

Hợp đồng thầu phụ này được lập ngày tháng năm,
Giữa có trụ sở tại
..... (Nhà
thầu) và có trụ
sở tại (Nhà
thầu phụ) để thực hiện công việc tại.....

Các căn cứ:

Căn cứ vào Hợp đồng ký ngày tháng năm giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư (Hợp đồng chính)
) về việc thực hiện, hoàn thành và bảo hành của công việc xây dựng Nhà máy.

Căn cứ vào việc Nhà thầu phụ đồng ý thực hiện theo các điều khoản và điều kiện dưới đây được nêu
trong tài liệu Hợp đồng thầu phụ, các công việc thầu phụ (gọi tắt là “Công việc”) được qui định trong các
điều kiện và tài liệu kèm theo.

Sau khi cân nhắc, trên cơ sở những thoả thuận chung các bên cùng nhất trí cam kết những điều khoản như
sau:

Điều 1

Định nghĩa và diễn giải

Trong bản Hợp đồng thầu phụ này, từ và các thành ngữ có cùng ý nghĩa tương đương với từ và thành ngữ
trong các bản tài liệu Hợp đồng chính liên qua.

Điều 2

Các tài liệu của Hợp đồng thầu phụ

Những tài liệu dưới đây phải dễ hiểu, phù hợp và trở thành một phần của Hợp đồng thầu phụ:

- (1) Bản Hợp đồng thầu phụ
- (2) Giá trị Hợp đồng thầu phụ - (phụ lục A)
- (3) Phạm vi Công việc - (phụ lục B)
- (4) Các bản vẽ - (Phụ lục C)
- (5) Tiến độ thi công - (phụ lục D)

Các tài liệu trên phải bổ sung cho nhau và được giải thích theo một cách chung, nhưng trong trường hợp
có sự không nhất quán hoặc không rõ nghĩa giữa Hợp đồng thầu phụ này hay bất kể tài liệu nào nói trên,
thì Bản Hợp đồng thầu phụ này cần nhất quán và làm rõ nghĩa lại.

Trong trường hợp có sự khác nhau hoặc không rõ nghĩa giữa các điều khoản hoặc do việc qui định của
các điều khoản trong các tài liệu từ tài liệu (2) đến tài liệu (5), thì những tài liệu được xem xét chỉnh sửa
trước tiên là những tài liệu được xét theo thứ tự trên.

Điều 3

Thời gian thi công và thời hạn hoàn thành Công việc

3.1 Công việc được thực hiện theo Hợp đồng thầu phụ phải thi công vào ngày và hoàn thành vào ngày
..... và bao gồm cả thời gian khác được qui định bằng văn bản.

3.2 Nhà thầu phụ phải thực hiện Công việc theo thời gian qui định của Hợp đồng thầu phụ.

3.3 Nhà thầu phụ phải hiểu rằng bất kỳ một sự trì hoãn nào về ngày khởi công hoặc thời gian hoàn thành Công việc hoặc một phần Công việc của Hợp đồng thầu phụ đều sẽ dẫn đến việc gây thiệt hại cho Nhà thầu.

3.4 Ngoài quyền hạn được quy định tại điều 7, Nhà thầu có thể yêu cầu Nhà thầu phụ không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ Công việc đã trì hoãn do lỗi của Nhà thầu phụ hoặc những Công việc thuộc trách nhiệm của Nhà thầu phụ mà đã được qui định trong tài liệu Hợp đồng thầu phụ.

Điều 4 **Giá trị Hợp đồng thầu phụ**

4.1 Sau khi cân nhắc những Công việc được Nhà thầu phụ thực hiện theo qui định tại Hợp đồng thầu phụ, Nhà thầu sẽ trả cho Nhà thầu phụ và Nhà thầu phụ chấp nhận Giá trị Hợp đồng thầu phụ dưới đây như sau:

USD(.....*Đô la mỹ*)

Tương đương với .00 VNĐ (*đồng Việt Nam*) theo tỉ giá hối đoái bình quân Liên Ngân hàng vào ngày tháng..... năm là ngày Bản Chào giá do Nhà thầu phụ gửi đến

Giá trị trọn gói của Hợp đồng thầu phụ trên đã bao gồm 1,5% thuế Giá trị gia tăng và 2% thuế Thu nhập Doanh nghiệp được nêu rõ trong Bản chi tiết đơn giá Phụ lục A và được thanh toán theo phương thức qui định dưới đây.

4.2 Giá trị Hợp đồng thầu phụ này là giá cố định và không phụ thuộc bất kỳ sự thay đổi nào của Hợp đồng thầu phụ, trừ khi có những điều kiện đặc biệt được qui định tại Điều 4.3 và 4.4 của Hợp đồng thầu phụ này.

4.3 Trong trường hợp có phát sinh Công việc mới, không nằm trong tài liệu Hợp đồng thầu phụ hoặc có bất kỳ sự thay đổi cần thiết nào của Công việc, Nhà thầu sẽ gửi Yêu cầu về Công việc phát sinh cho Nhà thầu phụ bao gồm cả đơn giá tăng hoặc giảm mới. Đơn giá này phải phù hợp với các tài liệu Hợp đồng thầu phụ, hoặc nếu không được qui định trong tài liệu Hợp đồng thầu phụ thì phải được các bên thỏa thuận

4.4 Ngoài ra, nếu sau ngày Hợp đồng thầu phụ có hiệu lực mà có sự thay đổi các qui định của Luật, Nghị định, Quy chế về thuế thì Giá trị Hợp đồng thầu phụ cũng cần được sửa đổi theo.

Điều 5 **Phương thức thanh toán**

5.1 Nhà thầu thực hiện việc thanh toán Giá trị Hợp đồng thầu phụ cho Nhà thầu phụ theo các phương thức sau:

Thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản.

5.1.1 Nhà thầu sẽ ứng trước cho Nhà thầu phụ Giá trị Hợp đồng thầu phụ sau khi Hợp đồng thầu phụ được ký kết.

5.1.2 Nhà thầu sẽ thanh toán..... Giá trị Hợp đồng thầu phụ được trả cho Nhà thầu phụ sau khi phát hành biên bản bàn giao công việc như qui định tại điều 8.

5.1.3 Khoản tiền giữ lại.....Giá trị Hợp đồng thầu phụ được trả cho Nhà thầu phụ sau khi hết Thời hạn chịu trách nhiệm bảo hành theo qui định tại Điều 9.2.

5.1.4 Nhà thầu phải trả cho Nhà thầu phụ theo qui định tại Điều 5.1.1, 5.1.2 và 5.1.3 trong vòng 14 ngày kể từ ngày Nhà thầu phụ nhận được Yêu cầu thanh toán.

5.2 Thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác

5.2.1 Giá trị Hợp đồng thầu phụ là trọn gói, đã bao gồm 1,5% thuế Giá trị gia tăng và 2% thuế thu nhập doanh nghiệp theo qui định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

Bất kỳ một loại thuế nào phát sinh ngoài qui định của Hợp đồng thầu phụ thì do Nhà thầu phụ chịu trách nhiệm.

5.2.2 Nhà thầu phụ phải đảm bảo phát hành hoá đơn thuế Giá trị gia tăng theo đúng mẫu ban hành, được đăng ký và được chấp nhận bởi cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm phát hành Yêu cầu thanh toán theo qui định tại Điều 5.1.

5.3 Nhà thầu có thẩm quyền hoãn hoặc rút lại việc thanh toán để giữ lại một (các) khoản của giá trị Hợp đồng thầu phụ trong các trường hợp sau:

5.3.1 Bất kỳ Công việc thiếu sót nào được Nhà thầu cùng Nhà thầu phụ xác định mà không thể sửa chữa được.

5.3.2 Bất kỳ yêu cầu nào đối với Nhà thầu phụ hoặc Nhà thầu mà có đủ lý do tin tưởng rằng yêu cầu đó gây bất lợi cho Nhà thầu phụ.

Tuy nhiên, việc thanh toán có thể được thay đổi dựa trên những chứng cứ đầy đủ về việc sửa chữa, khắc phục những lỗi hoặc khi có quyết định cuối cùng giải quyết yêu cầu đó.

Điều 6

Phạm vi Công việc và trách nhiệm Nhà thầu phụ

6.1 Nhà thầu phải có một đội ngũ công nhân lành nghề thực thi Công việc theo Phạm vi Công việc, các Biện pháp sửa chữa và bảo dưỡng, Tiên độ thi công, Bản vẽ, Yêu cầu Kỹ thuật, các Điều khoản chung của Hợp đồng thầu phụ và các yêu cầu khác được nêu trong Tài liệu Hợp đồng thầu phụ, tuân thủ các quy định của Pháp luật Việt Nam trong thời gian khởi công và hoàn thành Công việc theo Điều 3. Để thực hiện qui định này, Nhà thầu phụ phải trang bị và cung cấp nguyên vật liệu, lao động, thiết bị và thực hiện những công việc cần thiết khác để hoàn thành Công việc nói ở trên.

6.2 Nhà thầu phụ thực hiện việc thiết kế

Nhà thầu phụ phải thiết kế các bản vẽ kỹ thuật như đã được nêu trong các phụ lục được qui định tại Điều 2 khoản 3,4. Nhà thầu phụ phải trình cho Nhà thầu các bản vẽ thiết kế do mình chuẩn bị. Trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được Bản thiết kế, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà thầu phụ về ý kiến của mình hoặc, nêu Bản thiết kế đã nộp trình mà không phù hợp với quy định của Hợp đồng thầu phụ thì Nhà thầu phải nói rõ lý do phản đối. Nhà thầu phụ không được phép thực hiện bất cứ phần việc thiết kế nào trong vòng 14 ngày sau khi các Bản thiết kế được trình lên Nhà thầu mà bị Nhà thầu phản đối. Nhà thầu phải nộp trình lại toàn bộ Bản thiết kế yêu cầu sửa chữa và phải sửa chữa theo yêu cầu cần thiết.

6.3 Nhà thầu phụ phải đảm bảo tính đúng đắn của các loại Giấy phép, Biên bản kiểm tra và các bản thoả thuận, nhưng không chỉ giới hạn ở đó, mà bao gồm cả biên bản chấp thuận PCCC cần thiết để thực hiện Công việc. Nhà thầu phụ phải thực hiện các qui định pháp luật của Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của địa phương.

6.4 Nhà thầu phụ phải cung cấp toàn bộ các phương tiện cần thiết để thực hiện Công việc và phải di dời nguyên trang toàn bộ các thiết bị đó sau khi Công việc được hoàn thành.

6.5 Nhà thầu phụ phải tiếp tục thực hiện việc bảo trì để không làm hỏng Công việc và bảo vệ tài sản của Nhà thầu và của Bên thứ 3 không bị thiệt hại hoặc mất mát phát sinh ngoài Hợp đồng thầu phụ.

6.6 Nhà thầu phụ phải tuân theo đường lối và các yêu cầu an toàn của Nhà thầu có liên quan đến toang bộ việc quản lý chung.

6.7 Nhà thầu phụ phải chuẩn bị toàn bộ các vật liệu và các thiết bị do mình cung cấp theo qui định của Hợp đồng thầu phụ là mới, không bị lỗi ngầm, phù hợp các Bản yêu cầu kỹ thuật, các mẫu được chấp nhận và các yêu cầu khác của tài liệu Hợp đồng thầu phụ. Nhà thầu phụ không được phép sử dụng các nguyên vật liệu hoặc thiết bị thay thế khác trừ khi được sự chấp nhận bằng văn bản của Nhà thầu.

6.8 Nhà thầu phụ phải cử một kỹ sư xây dựng chấp thuận có mặt thường xuyên ở công trường như là Chỉ huy trưởng Công trường. Ngoài ra, Nhà thầu phụ phải có một đội trường thường xuyên giám sát nhân công của mình được thuê theo Hợp đồng thầu phụ.

6.9 Nhà thầu phụ phải có trách nhiệm lưu kho và cất giữ an toàn các nguyên vật liệu, thiết bị và dụng cụ thuê để thực hiện Công việc. Toàn bộ nguyên vật liệu, thiết bị và dụng cụ cung cấp cho công trường thuộc phạm vi và trách nhiệm của Nhà thầu phụ.

6.10 Nhà thầu phụ phải đưa ra và có biện pháp bảo trì thích hợp Công việc khỏi các thiệt hại hoặc mất mát phát sinh ngoài Công việc theo tài liệu Hợp đồng thầu phụ, các tài sản và thiết bị của Nhà thầu phụ hoặc do Nhà thầu phụ thuê.

Điều 7

Vi phạm thời hạn hoàn thành Công việc

Nhà thầu phụ phải lưu ý rằng Nhà thầu sẽ không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào nếu Nhà thầu phụ trì hoãn hoặc vi phạm việc hoàn thành Công việc trong thời hạn theo qui định tại Điều 3. Nhà thầu phụ và Nhà thầu cùng nhất trí Nhà thầu phụ phải trả cho Nhà thầu 0.1% (không phải một phần trăm) Giá trị Hợp đồng thầu phụ của mỗi ngày trì hoãn và mức tối đa là 10% (mười phần trăm) Giá trị Hợp đồng thầu phụ nhưng đồng thời cũng phụ thuộc vào mức tối đa mà Luật pháp Việt Nam cho phép.

Điều 8

Bàn giao Công việc

8.1 Nhà thầu phụ phải thông báo cho Nhà thầu khi cho rằng Công việc của mình đã hoàn thành.

8.2 Nhà thầu phải thông báo cho Nhà thầu phụ bằng việc phát hành Chứng nhận Bàn giao Công việc nếu Nhà thầu phụ hoàn thành Công việc đúng thời hạn qui định. Nếu có thay đổi, Nhà thầu có thể thông báo cho Nhà thầu phụ Công việc mặc dù chưa hoàn thành theo qui định nhưng đã sẵn sàng cho việc bàn giao. Nhà thầu phải nhận Công việc bàn giao bằng việc phát hành Chứng nhận Bàn giao Công việc. Nhà thầu phụ phải hoàn thành nốt Công việc còn lại.

Điều 9

Bảo hành Công việc

9.1 Khắc phục lỗi

Bất cứ khi nào trong quá trìnhtheo như qui định tại Điều 3, Nhà thầu có thể thông báo cho Nhà thầu phụ về bất kỳ lỗi nào. Nếu không khắc phục được những lỗi đối với Công việc cần hoàn thành trong thời gian qui định thì Nhà thầu sẽ thực hiện những việc cần thiết để khắc phục và Nhà thầu phụ phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục lỗi đó. Nhà thầu phụ sẽ phải bồi thường, mà Nhà thầu sẽ không bỏ ra bất cứ chi phí nào, đối với những lỗi phát sinh từ việc sử dụng nguyên liệu, đất đai và công nhân của Nhà thầu phụ không theo qui định của Hợp đồng thầu phụ. Chi phí khắc phục lỗi do bất kỳ nguyên nhân nào cũng được xem như nằm trong phần phát sinh.

9.2 Thời hạn của trách nhiệm đối với lỗi xảy ra

Nhà thầu phụ phải nhanh chóng khắc phục bất kỳ hoặc toàn bộ hậu quả từ việc nhân công thiếu kinh nghiệm hoặc do nguyên vật liệu, mà những lỗi đó được thông báo cho Nhà thầu phụ trong vòng ba trăm sáu mươi ngày sau khi Công việc được hoàn thành theo Điều 8 Của Hợp đồng thầu phụ này.

9.3 Bảo hiểm

Nhà thầu phụ phải chịu trách nhiệm mua bảo hiểm toàn bộ rủi ro cho Nhà thầu (TRN) và Bên thứ ba từ các Công ty Bảo hiểm có tiếng mà được Nhà thầu chấp nhận và phê duyệt. Do vậy, các Giấy chứng nhận Bảo hiểm phải được nộp ngay cho Nhà thầu ngay sau khi giấy chứng nhận đó phát hành cho Nhà thầu phụ.

Điều 10

Nhà thầu phụ hoạt động độc lập

Các bên cùng nhất trí rằng tất cả công nhân và/hoặc các bộ phận của Nhà thầu phụ, kể cả Thầu của Nhà thầu phụ, nếu có, không phải là công nhân, các bộ phận, người lao động của Nhà thầu hoặc có mối quan hệ chủ-thợ giữa Nhà thầu, Nhà thầu phụ và Thầu của Nhà thầu phụ, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Thuật ngữ “Nhà thầu” được sử dụng trong Hợp đồng thầu phụ này được nêu ra nhưng không mang nghĩa là người sử dụng lao động theo Luật Lao động Việt Nam, các văn bản hướng dẫn và các văn bản pháp luật hiện hành khác của Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 11

Luật áp dụng

Hợp đồng thầu phụ này được lập và áp dụng theo Pháp luật của Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nếu Nhà thầu phát hiện thấy bất kỳ phần nào của bản Hợp đồng thầu phụ này trái với Pháp luật Việt Nam thì phải ngay lập tức thông báo ngay bằng văn bản cho Nhà thầu và phải thực hiện theo sự chỉ dẫn về mặt luật pháp của Nhà thầu.

Điều 12:

Giải quyết tranh chấp

Bất kỳ một phát sinh nào ngoài hoặc liên quan đến việc thi Công việc và thực hiện Hợp đồng thầu phụ hoặc do bất kỳ lý do gì do sự khác biệt trong việc diễn giải tài liệu Hợp đồng thầu phụ theo qui định Điều 2, cũng như các tranh chấp khác do việc thực hiện hoặc diễn dịch Hợp đồng thầu phụ mà Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ không thể tự giải quyết được thì một bên có thể đưa việc tranh chấp ra toà. Nơi xét xử phải ở nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 13:

Hiệu lực của Hợp đồng thầu phụ

13.1 Hợp đồng thầu phụ này có hiệu lực kể từ ngày ký. Nhà thầu hoặc phụ phải thực hiện hoặc chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng thầu phụ mà không cần sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia.

13.2 Các bên cùng nhất trí và bảo đảm rằng các bên ký kết Hợp đồng thầu phụ được trao đầy đủ quyền và uỷ quyền bởi Công ty mà họ đại diện và Hợp đồng thầu phụ đã được ký kết có giá trị và trách nhiệm ràng buộc đối với các Công ty đó.

13.3 Thêm vào đó các bên cùng nhất trí rằng một trong các bên uỷ quyền và có đủ tư cách lập Hợp đồng thầu phụ và có đủ các giấy phép hợp lệ để thực hiện nghĩa vụ của mình đã được quy định ở đây, theo quy định pháp luật hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 14: Những thoả thuận khác

14.1 Các phần của Hợp đồng thầu phụ có thể bị Toà án có thẩm quyền tuyên bố vô hiệu hoặc không thể thi hành được, các phần khác không bị nhà hưởng bởi các phần vô hiệu thì vẫn có hiệu lực. Các bên phải cố gắng hết sức mình để có những điều khoản thay thế những phần vô hiệu và không thể thi hành được mà vẫn giữ được mục đích ban đầu của các bên.

14.2 Hợp đồng thầu phụ này được lập trên sự thoả thuận và hiểu biết giữa các bên và thay thế toàn bộ các thoả thuận bằng văn bản trước đây. Hợp đồng thầu phụ này có thể được sửa đổi dựa trên ý kiến thống nhất của các bên bằng văn bản.

14.3 Mỗi bên phải tự trả các chi phí theo quy định của Hợp đồng thầu phụ và bản hoàn thành dự tính Công việc kinh doanh.

14.4 Hợp đồng thầu phụ sẽ tiếp tục còn hiệu lực trong thời gian bảo hành và cử đại diện của các bên và sau thời gian thi công theo qui định của pháp luật.

14.5 Toàn bộ nghĩa vụ, bồi thường, nộp thuế, thưởng, các loại phí và trách nhiệm khác do Nhà thầu phụ trả được hiểu và bao gồm trong Giá trị Hợp đồng thầu phụ theo như quy định tại Điều 4.

14.6 Trong việc dịch, phân tích Hợp đồng thầu phụ và xác định mục tiêu của các bên các cách dùng đến cần phải được lập ra đối với tài liệu khác của Hợp đồng thầu phụ theo như quy định tại Điều 2. Đồng thời, Hợp đồng thầu phụ và các tài liệu khác của Hợp đồng thầu phụ cần phải được diễn dịch và lập cùng nhau để có cùng hiệu lực đối với các điều khoản: Tuy nhiên, trong trường hợp có sự thay đổi lập nhau giữa Hợp đồng thầu phụ và Các tài liệu Hợp đồng thầu phụ, thì các điều khoản của Hợp đồng thầu phụ sẽ được ưu tiên áp dụng.

14.7 Điều khoản không bắt buộc
Nhà thầu có quyền yêu cầu Nhà thầu phụ thực hiện Công việc phát sinh tại nơi liên sát với công trường để thi công Công việc theo Hợp đồng thầu phụ, Nhà thầu phải chấp nhận Công việc ở cùng một điều kiện theo quy định tại Hợp đồng thầu phụ. Sự lựa chọn này có hiệu lực trong vòng một trăm tám mươi (180) ngày kể từ ngày Hợp đồng thầu phụ có hiệu lực và phụ thuộc vào sự chấp thuận của cơ quan chính quyền.

14.8 Nhà thầu phụ không được tiết lộ hoặc thông báo rộng rãi về Công việc hoặc các hoạt động của Nhà thầu phụ hoặc sự tham gia vào Công việc mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Nhà thầu.

Vì vậy, hai bên cùng nhất trí ký kết Hợp đồng thầu phụ này theo ngày và địa điểm nêu trên .

CÔNG TY

CÔNG TY

Phụ lục số 3: (Ban hành theo Thông tư số 04/2006/TT-BXD ngày 18/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

MẪU BẢO LÃNH ĐẤU THẦU

....., ngày ... tháng năm

Kính gửi: (tên Bên mời thầu)

Ngân hàng (ghi tên ngân hàng) có trụ sở tại (ghi địa chỉ ngân hàng) chấp thuận gửi cho (ghi tên Bên mời thầu) một khoản tiền là (ghi rõ giá trị bằng số, chữ và loại tiền) để bảo lãnh cho nhà đầu tư- (tên nhà đầu tư-) tham dự đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư dự án KĐTMM (tên dự án).

Ngân hàng chúng tôi xin cam kết trả cho (ghi tên Bên mời thầu) số tiền nói trên ngay khi nhận được văn bản yêu cầu của Bên mời thầu khi nhà đầu tư- vi phạm các điều kiện sau:

- Nếu nhà đầu tư- rút hồ sơ dự thầu trong thời hạn có hiệu lực của hồ sơ dự thầu đã được quy định trong hồ sơ mời thầu.

- Nếu nhà đầu tư- đã được Bên mời thầu thông báo trúng thầu trong thời hạn có hiệu lực của hồ sơ dự thầu mà nhà đầu tư- từ chối đàm phán hoặc/và không có khả năng nộp hoặc từ chối bảo lãnh đấu thầu.

Bảo lãnh này có giá trị kể từ ngày nhà đầu tư- nộp hồ sơ dự thầu đến sau 30 ngày kể từ ngày hết hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Tên ngân hàng bảo lãnh

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu hợp đồng đấu thầu

MẪU HỢP ĐỒNG

HỢP ĐỒNG

(Văn bản hợp đồng cung cấp hàng hóa)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ ([\[1\]](#)) _____ (Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội);

- Căn cứ (2) _____ (Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội);

- Căn cứ (2) _____ (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội);

- Căn cứ (2) _____ (Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng);

- Căn cứ Quyết định số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo trúng thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm _____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Danh mục hàng hóa và các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu bổ sung hồ sơ mời thầu (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng nêu tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng. Trường hợp giá hợp đồng được ký bằng nhiều đồng tiền khác nhau thì ghi rõ giá trị bằng số và bằng chữ của từng đồng tiền đó, ví dụ: 100 ngàn USD + 5 tỷ VND (một trăm ngàn đôla Mỹ và 5 tỷ đồng Việt Nam)]
2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức nêu tại Điều 13 ĐKCT.

Điều 6. Hình thức hợp đồng: _____

[Nêu các hình thức hợp đồng phù hợp với Điều 6 ĐKCT].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____

[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với khoản 2 Mục 1 BDL, HSDT và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 1 ĐKCT].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
--------------------------------	----------------------------------

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]
--	--

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỀ GIAO NHẬN THẦU
XÂY DỰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH**

Hợp đồng số: / HĐNT

Hôm nay ngày ... tháng ... năm ... tại.....

Chúng tôi gồm có:

Bên A (Bên chủ đầu tư)

- Tên doanh nghiệp (hoặc cơ quan):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:
- Tài khoản số:
- Mở tại ngân hàng:
- Đại diện là:-Chức vụ
- Giấy ủy quyền (nếu thay giám đốc ký) số: ngày tháng năm.....
- Do chức vụ ký.

Bên B (Bên tổ chức nhận thầu xây dựng)

- Tên doanh nghiệp (hoặc cơ quan):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:
- Tài khoản số:
- Mở tại ngân hàng:
- Đại diện là:.....-Chức vụ
- Giấy ủy quyền (nếu thay giám đốc ký) số: ngày tháng năm.....
- Do chức vụ ký.

Hai bên cùng thỏa thuận những nguyên tắc giao nhận tổng thầu xây dựng công trình
...như sau:

Điều 1: Nội dung công tác:

1. Bên A giao cho bên B tiến hành tất cả các khâu của toàn bộ công trình xây dựng
gồm:

- Tiến hành khảo sát khu vực đã quy hoạch để xây dựng công trình theo đúng các nội dung và yêu cầu về khảo sát xây dựng đảm bảo số liệu đo đạc và số liệu giám định, điều tra chính xác khách quan.

- Viết luận chứng kinh tế kỹ thuật cho công trình xây dựng theo đúng các quy

- Tiến hành thiết kế công trình theo đúng yêu cầu và nội dung bản luận chứng kinh tế - kỹ thuật đã được duyệt, phải theo đúng quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật và các chế độ thể lệ khác có liên quan của nhà nước, phải xác định rõ lịch giao thiết kế và trách nhiệm bảo đảm việc giao thiết kế theo lịch.

- Tiến hành thi công xây lắp các bộ phận công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt.

2. Toàn bộ vật tư, nhiên liệu cho công trình do bên B cung cấp. Trường hợp bên A nhận cấp vật tư, nhiên liệu tại kho thì bên B được thanh toán tiền và nhiên liệu vận chuyển theo khối lượng và cự ly thực tế.

Điều 2: Thời hạn thực hiện

Trong thời gian tháng, được phân chia như sau:

1. Công tác khảo sát được tiến hành trong ... tháng.... Bên B sẽ báo cáo kết quả số liệu khảo sát vào ngày ... tháng ... năm ...

2. Bản luận chứng kinh tế - kỹ thuật cho công trình viết trong thời gian ... tháng. Bên B chuyển tới bên A sau khi hoàn thành và bên A phải xét duyệt cho kết luận sau khi nhận là ... tháng.

3. Công tác thiết kế được tiến hành trong thời gian ... tháng trình bên A duyệt trong ... tháng.

4. Thi công xây lắp dự kiến hoàn thành trong ... tháng kể từ ngày khởi công. Dự kiến khởi công vào ngày ...

Điều 3: Trị giá hợp đồng

Tổng dự đoán công trình là Đồng

1. Trị giá công tác khảo sát là ... đồng

2. Trị giá phần viết luận chứng kinh tế - kỹ thuật là ... đồng

3. Trị giá phần thiết kế công trình là ... đồng.

4. Trị giá phần thi công xây lắp công trình là ... đồng.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có quy định mới của Nhà nước ban hành liên quan đến giá trị từng công việc thì hai bên sẽ áp dụng quy định mới để thanh toán cho phù hợp.

Điều 4: Cách thức thanh toán, quyết toán

1. Thanh toán bằng tiền mặt ...%, hoặc chuyển khoản qua ngân hàng ...%

2. Khi hợp đồng được ký kết, bên A ứng trước cho bên B ...% kinh phí theo dự toán được duyệt để mua sắm vật tư chuẩn bị thi công.

3. Phần kinh phí còn lại sẽ ghi cụ thể tại hợp đồng thi công.

4. Sau khi nghiệm thu tổng thể công trình và đưa vào sử dụng hai bên sẽ căn cứ vào các bản hợp đồng cụ thể, tổng hợp các biên bản nghiệm thu khối lượng từng đợt, từng tháng để quyết toán và thanh lý hợp đồng. Bên B phải giao cho bên A ... bộ hồ sơ hoàn công.

Điều 5: Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng

(Cần đưa ra thế chấp, cầm cố hoặc được cơ quan nào bảo lãnh bằng tài sản gì ...)

Điều 6: Trách nhiệm bên A

1. Giải tỏa mặt bằng công trình và đền bù hoa màu, nhà cửa trong phạm vi thi công trước khi bên B tổ chức thi công.

2. Cử cán bộ kỹ thuật giám sát theo dõi khối lượng và chất lượng công trình trong suốt thời gian thi công.

3. Chuẩn bị đầy đủ kinh phí và thanh toán đúng kỳ hạn cho bên B.

4. Tổ chức cho bộ phận thi công của bên B được tạm trú tại địa phương, bố trí bảo vệ an ninh trật tự cho đơn vị thi công, bảo vệ vật tư và phương tiện xây lắp tại công trình.

Điều 7: Trách nhiệm bên B

1. Bàn giao các loại hồ sơ đúng thời hạn quy định.

2. Thi công đúng hồ sơ thiết kế và hoàn thành công trình đúng hợp đồng. Bên B có lỗi chậm hoàn thành công trình sẽ bị phạt ... giá trị của khối lượng bị kéo dài.

3. Bên B phải chịu trách nhiệm về chất lượng công trình trong thời gian bảo hành là ... năm, nếu có hư hỏng phải chịu phạt ... giá trị dự toán phần không đảm bảo chất lượng.

Điều 8: Mức thưởng phạt khi các bên vi phạm hợp đồng.

1. Nếu hoàn thành từng loại công việc trong HDKT này trước thời hạn từ một tháng trở lên sẽ được thưởng ... % giá trị phần việc thực việc.

2. Nếu vi phạm hợp đồng về chất lượng, số lượng, thời hạn hoàn công, thời hạn thanh toán, v.v... Hai bên thống nhất áp dụng các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước về HDKT, về XD CB để xử lý.

Điều 9: Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có giá trị từ ngày ký đến ngày thanh lý hợp đồng.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng, bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề tranh chấp thì hai bên chủ động thương lượng giải quyết, khi cần sẽ lập phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung hợp đồng. Hợp đồng này được lập thành ... bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ ... bản. Gửi các cơ quan có liên quan bao gồm:

ĐẠI DIỆN BÊN A

Chức vụ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

Chức vụ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ GIAO NHẬN THẦU XÂY LẮP
CÔNG TRÌNH [TEN CONG TRINH XAY DUNG]
Số: [SO HD]/HĐXL

Căn cứ Pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25-9-1989 của Hội đồng Nhà nước.
Căn cứ Nghị định số 17/HĐBT ngày 16-01-1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ)
quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh hợp đồng kinh tế.
Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08-7-1999 của Chính phủ về việc ban hành quy chế
quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản.
Căn cứ vào biên bản xác nhận kết quả đấu thầu ngày [NGAY THANG NAM] (nếu có).
Căn cứ [YEU CAU HAI BEN]

Hôm nay, ngày [NGAY THANG NAM] tại [DIA DIEM] chúng tôi gồm có:

BÊN CHỦ ĐẦU TƯ

Tên doanh nghiệp:
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Telex: Fax:
Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:
Đại diện bởi: Chức vụ: Giấy ủy quyền số:
..... (nếu ký thay)
Viết ngày Do chức vụ ký.

Trong hợp đồng này gọi tắt là bên A

BÊN TỔ CHỨC NHẬN THẦU XÂY DỰNG

Tên doanh nghiệp:
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Telex: Fax:
Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:
Đại diện bởi: Chức vụ: Giấy ủy quyền số:
..... (nếu ký thay)
Viết ngày Do chức vụ ký. ***Trong***

hợp đồng này gọi tắt là bên B

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng thi công xây lắp với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Khối lượng và tiến độ công trình

1. Tên công trình: [TEN CONG TRINH XAY DUNG]

2. Địa điểm xây dựng công trình: [DIA DIEM]

3. Quy mô công trình: [QUY MO] (ghi khả năng sản xuất, kinh doanh hoặc dịch vụ...).

4. Vốn đầu tư được duyệt theo dự toán: [SO TIEN DUOC DUYET] (trong đó phải nêu rõ phần vốn xây lắp, phần vốn thiết bị công nghệ và phần vốn kiến thiết cơ bản khác).

5. Tiến độ thi công:

- Ngày thi công:.....

- Ngày hoàn thành:.....

6. Trong trường hợp đang thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký, có những khối lượng phát sinh thì bên A phải làm thủ tục, bổ sung khối lượng phát sinh để ghi vào hợp đồng.

Điều 2: Chất lượng công trình

1. Bên B phải chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và chất lượng xây lắp toàn bộ công trình, bảo đảm thi công theo thiết kế phù hợp với dự toán đã được duyệt, đúng qui trình, qui phạm yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật trong xây dựng.

2. Bên A có trách nhiệm cử người giám sát tại công trình để theo dõi chất lượng vật liệu, cấu kiện bê tông, chất lượng xây lắp, nếu thấy phần nào chưa được bảo đảm thì yêu cầu Bên B làm lại. Bên A có trách nhiệm xác nhận công tác phát sinh để làm cơ sở cho việc nghiệm thu và thanh toán. Bên A xét thấy xây lắp không đạt yêu cầu được quyền không ký vào biên bản nghiệm thu hoặc chưa nhận bàn giao.

3. Khi Bên B muốn thay đổi loại vật liệu xây lắp nào hoặc thay đổi phần thiết kế nào đều phải được sự chấp thuận của Bên A và cơ quan thiết kế.

4. Bên B có trách nhiệm bảo hành chất lượng công trình trong thời gian là năm.

Điều 3: Các điều kiện bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trách nhiệm của Bên A phải:

- Bàn giao mặt bằng công trình.

- Giao tim, mốc công trình theo yêu cầu của tổng tiến độ.

- Bàn giao mọi hồ sơ tài liệu cần thiết cho bên B.

- Bàn giao vật tư thiết bị cho Bên B tại [DIA DIEM] (nếu Bên A có vật tư, thiết bị).

2. Trách nhiệm của Bên B:

- Quản lý thống nhất mặt bằng xây dựng sau khi được giao.

- Tổ chức bảo vệ an ninh trật tự và an toàn lao động bên công trình.

- Tiếp nhận bảo quản các loại tài liệu, vật tư kỹ thuật được Bên A giao.

Điều 4: Trị giá công trình xây lắp

1. Trị giá hợp đồng căn cứ vào dự toán được duyệt là [SO TIEN] đồng.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có quy định mới của Nhà nước ban hành thì phần trị giá công xây lắp được điều chỉnh theo.

Điều 5: Nghiệm thu và bàn giao công trình

1. Bên A có trách nhiệm thành lập và chủ trì hội đồng nghiệm thu theo quy định của Nhà nước (có lập biên bản ghi rõ thành phần).

2. Hội đồng nghiệm thu tiến hành thu theo [SO DOT] đợt theo từng khâu công việc chủ yếu, từng bộ phận hoặc từng hạng mục công trình, và cuối cùng là toàn bộ công trình.

[DOT, NOI DUNG NGHIEM THU, NGAY NGHIEM THU]

3. Bên B có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện cần thiết để nghiệm thu.

4. Sau khi thực hiện xong việc nghiệm thu Bên B có trách nhiệm bàn giao hạng mục công trình (hoặc toàn bộ công trình cùng với hồ sơ hoàn thành công trình cho Bên A vào ngày .. Bên A có trách nhiệm nộp lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định về lưu trữ tài liệu của Nhà nước.

Điều 6: Tạm ứng, thanh quyết toán

1. Trong quá trình thi công, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B tương ứng với khối lượng thực hiện nghiệm thu từng tháng.

2. Bên A thanh toán cho Bên B trên cơ sở hồ sơ thiết kế đã duyệt và biên bản nghiệm thu công trình theo hình thức chuyển khoản [SO %] qua ngân hàng. Nếu chậm thanh toán Bên B được tính lãi suất ngân hàng trên số tiền Bên A nợ.

3. Ngay sau khi hợp đồng nghiệm thu tổng thể công trình và đưa vào sử dụng, hai Bên căn cứ vào hợp đồng và các phụ lục hoặc biên bản bổ sung hợp đồng (nếu có).

Tổng hợp các biên bản nghiệm thu khối lượng hàng tháng, nghiệm thu theo giai đoạn để quyết toán và thanh lý hợp đồng. Bên B giao cho Bên A [SO BO] bộ hồ sơ hoàn công.

Điều 7: Các biện pháp bảo đảm hợp đồng

Bên B đưa tài sản [TEN TAI SAN] có giá trị được công chứng xác nhận là [SO TIEN] đồng để thế chấp (cầm cố) bảo đảm cho việc thực hiện hợp đồng này.

Điều 8: Quy định về thưởng phạt

1. Nếu Bên B hoàn thành công trình trước thời hạn từ ½ tháng trở lên, đảm bảo chất lượng thi công sẽ được Bên A thưởng [SO %] theo giá trị công trình.

2. Nếu Bên B không hoàn thành công trình đúng thời hạn hợp đồng do nguyên nhân chủ quan thì bị phạt [SO %] giá trị hợp đồng.

3. Nếu Bên B không đảm bảo chất lượng xây lắp phải chịu bù đắp mọi tổn thất do việc sửa chữa lại và phải chịu phạt [SO %] giá trị dự toán phần không đảm bảo chất lượng.

Điều 9: Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

2. Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh các bên phải kịp thời báo cho nhau biết và chủ động thương lượng giải quyết bảo đảm hai bên cùng có lợi (có lập biên bản).

3. Trường hợp các nội dung tranh chấp không tự giải quyết được thì hai bên thống nhất về khiếu nại đến tòa án kinh tế [TEN TOA AN] là tổ chức đủ thẩm quyền giải quyết.

4. Các chi phí về kiểm tra giám định và lệ phí trọng tài do bên có lỗi chịu.

Điều 10: Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày [NGAY THANG NAM]

Đến ngày [NGAY THANG NAM] (thường là ngày quyết toán xong).

Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý hợp đồng vào ngày Bên A có trách nhiệm tổ chức việc thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành.....[SO BAN] bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ [SO BAN] bản. Gửi các cơ quan có liên quan [SO BAN] bản, bao gồm: [TEN CAC TAI LIEU GUI CO QUAN LIEN QUAN]

ĐẠI DIỆN BÊN B

Chức vụ

Ký tên, đóng dấu

ĐẠI DIỆN BÊN A

Chức vụ

Ký tên, đóng dấu

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽²⁾ _____ [Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội];

- Căn cứ⁽²⁾ _____ [Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 5/5/2008 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng];

- Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

(1) Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành. Đối với gói thầu ODA ghi theo quy định của nhà tài trợ.

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia gói thầu *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[ghi tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: *[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác *[nêu rõ hình thức xử lý khác]*.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[ghi tên dự án]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho *[ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽³⁾:

- [- Ký đơn dự thầu;*
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;*
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].*

2. Các thành viên trong liên danh *[ghi cụ thể phân công việc, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng]*.

(1) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Hủy đấu thầu gói thầu *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[ghi tên dự án]* theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nguồn: Sưu tầm